

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2023/DS-ST

Ngày: 18-9-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Tài

- Ông Võ Văn Hiện

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 250/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2023/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148b/2023/QĐ-HPT ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: ông Dương Văn D, sinh năm 1965. Địa chỉ: 19/2 ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: chị Lê Thị Thanh N. sinh năm 1990. Hộ khẩu thường trú: số nhà 211, ấp M, xã N, huyện M, tỉnh B. Địa chỉ liên hệ: khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm 1987 và ông Diệp Văn K, sinh năm 1983. Địa chỉ: 198/3, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Dương Văn D – chị Lê Thị Thanh N trình bày:

Ngày 03/02/2022 ông D có cho bà Nguyễn Thị Bảo T và ông Diệp Văn K vay số tiền là 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất vay, thỏa thuận bằng lời nói thời hạn trả là 01 tháng, bà T và ông K nói mục đích vay để kinh doanh mua bán bò. Hai bên có lập Giấy vay tiền do bà T viết và ký ghi rõ họ tên; bà T, ông K có cung cấp cho ông D bản phô tô căn cước công

dân và sổ hộ khẩu để làm tin. Nay đã hết hạn 01 tháng, dù ông D có nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị Bảo T và ông Diệp Văn K trả tiền nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Nhận thấy quyền lợi của ông D bị xâm phạm nên ông D làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bảo T và ông Diệp Văn K có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông D số tiền còn nợ là 780.000.000 đồng, ông D yêu cầu tính lãi từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0.83%/tháng. Đối với số tiền lãi theo đơn khởi kiện tính từ ngày 03/02/2022 đến ngày 01/6/2023 ông D không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị Bảo T và Diệp Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Diệp Văn K vắng mặt không có lý do, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện: ông Dương Văn D yêu cầu bà Nguyễn Thị Bảo T và ông Diệp Văn K có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông D số tiền còn nợ là 780.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, ông K và bà T vắng mặt, không có lời trình bày nhưng kết quả giám định kết luận chữ ký trong giấy viết tay là của bà T và nội dung giấy viết tay thể hiện bà T có mượn ông D 780.000.000 đồng. Đối với yêu cầu ông K liên đới cùng bà T trả nợ thấy rằng: mặc dù, giấy nợ chỉ có bà T ký nhưng ông K với bà T là vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng, nhưng ông K và bà T không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 217, 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bà T và ông K liên đới trả cho ông D số tiền là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 02/6/2023) cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83 %/tháng. Đình chỉ đối với số tiền lãi 103.584.000 đồng nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Thị Bảo T và Diệp Văn K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 198/3 ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh B do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt; Bị đơn Nguyễn Thị Bảo T và Diệp Văn K đã được toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: ông D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bảo T và ông Diệp Văn K có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông D số tiền còn nợ là 780.000.000 đồng, ông D yêu cầu tính lãi từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Đối với số tiền lãi theo đơn khởi kiện tính từ ngày 03/02/2022 đến ngày 03/6/2023 ông D không yêu cầu giải quyết.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: hợp đồng vay tài sản thông qua giấy tay ngày 03/02/2022 giữa ông Dương Văn D và bà Nguyễn Thị Bảo T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; mặc dù hợp đồng vay giữa các bên không có công chứng hay chứng thực theo quy định nhưng tại Kết luận giám định số 520/2023/KTHS ngày 22/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre xác định chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định (giấy viết tay) so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Bảo T trên mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra do đó giấy tay ngày 3.2.2022 có nội dung “*Tôi: Nguyễn Thị Bảo T có mượn Anh D 780 Bảy trăm tám mươi Triệu Đồng chẵn*”, được xác định là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Bị đơn Nguyễn Thị Bảo T và Diệp Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Nguyên đơn xác định mục đích chị Nguyễn Thị Bảo T vay tiền là để kinh doanh mua bán bò nên anh Diệp Văn K biết việc vay tiền nêu trên; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản sao giấy chứng nhận kết hôn chứng minh hôn nhân hợp pháp giữa chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Diệp Văn K. Do đó có cơ sở xác định

hiện nay chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Diệp Văn K còn nợ ông Dương Văn D số tiền 780.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Diệp Văn K đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó việc ông Dương Văn D yêu cầu chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Diệp Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho Dương Văn D số tiền nợ gốc 780.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh tính từ ngày 02/6/2023 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền gốc và lãi chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Diệp Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Văn D được tính như sau: 780.000.000 đồng + 780.000.000 đồng x 3 tháng 16 ngày x 0,83% = 802.874.800 đồng.

[6] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn D đối với số tiền lãi là 103.584.000 đồng do thay đổi yêu cầu khởi kiện.

[7] Chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Diệp Văn K có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 36.000.000 đồng + 3% x (802.874.800 đồng - 800.000.000 đồng) = 36.086.244 đồng.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn D đối với số tiền lãi là 103.584.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn D. Buộc chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Diệp Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Văn D số tiền 802.874.800 đồng (vốn gốc 780.000.000 đồng và tiền lãi 22.874.800 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Diệp Văn K có nghĩa vụ liên đới chịu 36.086.244 đồng.

Ông Dương Văn D được Chi Cục thi hành án dân sự huyện T hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.254.000 đồng theo biên lai thu số 0005810 ngày 02 tháng 6 năm 2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tơ